

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ bằng tiền đối với
người dân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường khu vực xung quanh
các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 6

(Từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20/6/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường, số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động – Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 21/6/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức hỗ trợ vùng ảnh hưởng môi trường đối với người dân khu vực xung quanh các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp trên địa bàn Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 26/6/2018 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 180/BC-UBND ngày 03/7/2018 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ bằng tiền đối với người dân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường khu vực xung quanh các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp (sau đây gọi là Bãi chôn lấp chất thải) trên địa bàn Thành phố, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ bằng tiền đối với người dân thuộc vùng ảnh hưởng môi trường trong phạm vi bán kính đến 500 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô vừa và nhỏ) và đến 1.000 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô lớn và rất lớn) tính từ hàng rào khu xử lý chất thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng hưởng hỗ trợ

a) Cá nhân là người sinh sống thường xuyên có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú (theo quy định của Luật Cư trú) trong khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng môi trường tính từ hàng rào Khu chôn lấp chất thải theo danh sách của chính quyền địa phương cung cấp.

b) Cá nhân không sinh sống thường xuyên nhưng thường xuyên vào học tập, sản xuất, làm việc tại khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng môi trường theo quy định của Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 mà chưa được hưởng chế độ bồi dưỡng do đơn vị sử dụng lao động chi trả theo quy định tại thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH.

Đối với các trường hợp học tập, làm việc từ 50% thời giờ làm việc bình thường trở lên của ngày làm việc thì được hưởng 100% mức hỗ trợ theo vùng tương ứng; làm việc dưới 50% thời giờ làm việc bình thường của ngày làm việc thì được hưởng 50% mức hỗ trợ theo vùng ảnh hưởng môi trường tương ứng.

Đối với các trường hợp làm thêm giờ hoặc làm ca, mức hỗ trợ được tính tương ứng với số giờ làm thêm (đối với trường hợp làm thêm giờ) hoặc số giờ trong 1 ca (đối với trường hợp làm theo ca) theo nguyên tắc trên.

Căn cứ xác định đối tượng và mức hưởng hỗ trợ thông qua bảng chấm công hàng tháng do lãnh đạo cơ quan, đơn vị sử dụng xác nhận theo danh sách đóng bảo hiểm xã hội do cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận; danh sách học viên do cơ sở giáo dục đào tạo cung cấp.

c) Hộ gia đình, cá nhân có đất canh tác nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường, vẫn thường xuyên lao động, sản xuất nông, lâm nghiệp theo danh sách của chính quyền địa phương cung cấp.

d) Các trường hợp khác:

Đối tượng quy định tại Điểm a đồng thời là đối tượng thuộc quy định tại Điểm b hoặc tại Điểm c, hoặc thuộc quy định tại cả Điểm b và Điểm c Khoản này thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ theo đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này.

Đối tượng quy định tại Điểm b đồng thời là đối tượng thuộc quy định tại Điểm c Khoản này thì được hưởng hỗ trợ theo đối tượng có mức hỗ trợ cao hơn.

3. Mức hỗ trợ:

a) Các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp quy mô lớn và rất lớn (công suất tiếp nhận ≥ 65.000 tấn/năm):

TT	Phạm vi hỗ trợ	Mức hỗ trợ
I. Đối với cá nhân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường (đồng/người/30 ngày)		
1	Từ 0 m đến 150 m	133.000
2	Từ 150 m đến 300 m	106.000
3	Từ 300 m đến 500 m	84.000
4	Từ 500 m đến 600 m	80.000
5	Từ 600 m đến 800 m	54.000
6	Từ 800 m đến 1.000 m	27.000
II. Đối với trường hợp có đất canh tác trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường (đồng/m²/năm)		
1	Từ 0 m đến 500 m	170
2	Từ 500 m đến 1.000 m	102

b) Các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp quy mô nhỏ và vừa (công suất tiếp nhận < 65.000 tấn/năm):

TT	Phạm vi hỗ trợ	Mức hỗ trợ
I. Đối với cá nhân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường (đồng/người/30 ngày)		
1	Từ 0 m đến 150 m	92.000
2	Từ 150 m đến 300 m	66.000
3	Từ 300 m đến 500 m	47.000
II. Đối với trường hợp có đất canh tác trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường (đồng/m²/năm)		
	Từ 0 m đến 500 m	170

4. Thời gian hưởng mức hỗ trợ

Thời gian hưởng mức hỗ trợ nêu trên được tính từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến khi khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp đóng cửa, ngừng hoạt động và kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh đạt theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định hiện hành hoặc có văn bản của cấp có thẩm quyền thay thế.

5. Kinh phí hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ được chi trả cho đối tượng thụ hưởng mỗi năm một lần.

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương các cấp đảm bảo theo phân cấp quản lý nhà nước đối với Khu xử lý chất thải tập trung.

c) Thực hiện hỗ trợ:

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã nơi có các Bãi chôn lấp chất thải có trách nhiệm rà soát, thống kê trường hợp được hưởng hỗ trợ và tổ chức thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng chính sách theo quy định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết; tiếp tục nghiên cứu các chính sách hoặc kiến nghị Chính phủ để điều chỉnh các nội dung hỗ trợ phù hợp tình hình thực tế; trong quá trình thực hiện nếu cần bổ sung, điều chỉnh giữa 2 kỳ họp, Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Tổ chức tuyên truyền, thông tin, vận động, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của nhân dân và toàn bộ hệ thống chính trị Thành phố để đảm bảo thực hiện Nghị quyết thực sự hiệu quả.

3. Chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Lao động Thương binh & Xã hội, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMT TQ TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP HĐND; VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc